

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47 / 2022 / HS-ST

Ngày: 16 – 8 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Bích Tuyền

- Bà Huỳnh Hoa Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; Quê quán: X, An Giang; nơi cư trú: Tổ 13, khóm T, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th1 (đã chết) và bà Trần Thị T2, sinh năm 1952; có chồng tên Nguyễn Văn T8, sinh năm 1970, có 03 người con, lớn sinh năm 1998, con thứ hai sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 21/4/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Thị Kiều Th2, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ 13, khóm G2, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 06, khóm T, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Th6, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 11, khóm T, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954, nơi cư trú: Tổ 06, khóm T, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1952, nơi cư trú: Tổ 11, khóm T, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Vui, sinh năm 1984; Vắng mặt.

2. Trần Nguyễn Yên Lâm, sinh năm 2001; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Th được Nguyễn Thị Kiều Th2 thuê làm giúp việc nhà tại tổ 13, khóm G2, phường S, thành phố X. Khoảng 16 giờ ngày 03/02/2022, trong lúc dọn dẹp phòng của Kiều Th2, phát hiện trong túi áo khoác của Kiều Th2 đang treo trong tủ quần áo, có 01 xấp tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng; thấy Kiều Th2 và những người trong nhà đi vắng, Nguyễn Thị Th nảy sinh ý định lấy trộm, liền rút lấy 5.000.000 đồng, mang về nhà đưa chị ruột là Nguyễn Thị L1 3.000.000 đồng để trả nợ dùm; còn lại 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Th mua thuốc chữa bệnh cho Nguyễn Văn T8 (chồng của Nguyễn Thị Th) và tiêu xài hết. Nguyễn Thị Th tiếp tục làm giúp việc nhà cho Kiều Th2. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 07/02/2022, thấy Kiều Th2 và những người trong nhà đi vắng, Nguyễn Thị Th đi vào phòng, lục tìm trong túi áo khoác của Kiều Th2, thấy 01 xấp tiền Việt Nam, mệnh giá 500.000 đồng, liền rút lấy 1.500.000 đồng, cất giấu trong người, mang về nhà, chưa tiêu xài, bị Kiều Th2 phát hiện, trình báo Cơ quan Công an; mời làm việc, Nguyễn Thị Th thừa nhận lấy trộm tiền nêu trên, giao nộp lại 1.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam 1.500.000 đồng do Nguyễn Thị Th giao nộp (đã trả cho bị hại Nguyễn Thị Kiều Th2); 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến Nguyễn Thị Th lấy trộm tiền ngày 07/02/2022.

Ngày 21/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Th về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 (Bộ luật Hình sự).

Cáo trạng số 49/CT-VKSCĐ-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Thu thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Kháng định Cáo trạng số 49/CT-VKSCĐ-HS ngày 13/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên giữ nguyên quan điểm truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Thu từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, đồng thời giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Kiều Th2 đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề nghị xử lý.

Về xử lý vật chứng: 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến sự việc Nguyễn Thị Th lấy trộm tiền ngày 07/02/2022, đề nghị tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị H, Trần Thị T2, Nguyễn Văn T8, đã nhận và tiêu xài số tiền do bị cáo Th đưa, nhưng không biết tiền này do bị cáo Th lấy trộm mà có, tuy không xử lý nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Th thừa nhận lấy trộm tài sản của Nguyễn Thị Kiều Th2 số tiền 5.000.000 đồng (mệnh giá 500.000 đồng) ngày 03/02/2022 và số tiền 1.500.000 đồng (mệnh giá 500.000 đồng) ngày 07/02/2022.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do Cơ quan điều tra Công an thành phố X lập; vật chứng thu giữ.

Từ đó, có căn cứ xác định, bị cáo Th có hành vi lén lút lấy trộm của Nguyễn Thị Kiều Th2 số tiền 5.000.000 đồng (mệnh giá 500.000 đồng) ngày 03/02/2022 và số tiền 1.500.000 đồng (mệnh giá 500.000 đồng) ngày 07/02/2022. Bị cáo Th là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm về quan hệ sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường tiền cho bị hại. Bị cáo thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo không có tiền án, tiền sự, lý lịch và chỗ ở rõ ràng, có chồng đang bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Trong thời gian được tại ngoại, bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Do đó,

Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhưng cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến sự việc Nguyễn Thị Th lấy trộm tiền ngày 07/02/2022 là chứng cứ ghi nhận hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần lao động, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị H, Trần Thị T2, Nguyễn Văn Th6, đã nhận và tiêu xài số tiền do bị cáo Th đưa, nhưng không biết tiền này do bị cáo Th lấy trộm mà có, tuy không xử lý nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th: 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án (16/8/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Th cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố X, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015

Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi lại diễn biến sự việc Nguyễn Thị Th lấy trộm tiền ngày 07/02/2022.

Áp dụng Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp, tỉnh An Giang (1);
- Nhà Tạm giữ - Công an TPCĐ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCĐ (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL-NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc